

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN VII

### Phẩm 9: TÀ CHÁNH

Bấy giờ, Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với bốn hạng người như đã nói trên cần phải nương tựa không?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đây thiện nam! Đúng như lời Ta đã nói, cần phải nương tựa. Vì sao? Vì có bốn loại ma. Những gì là bốn? Như lời nói của ma thì các kinh luật khác có thể thọ trì.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, có bốn thứ ma thì lời nói của ma và lời nói của Phật con làm sao mà phân biệt được? Có những chúng sinh theo hạnh của ma, lại có chúng sinh thuận theo lời dạy của Đức Phật. Những hạng như vậy làm sao biết được?

Đức Phật dạy:

–Đây Ca-diếp! Sau khi Ta vào Niết-bàn bảy trăm năm thì ma Ba-tuần dần dần sẽ hủy hoại, nhiều loạn chánh pháp của Ta. Ví như người thợ săn thân mặc pháp phục, Ma vương Ba-tuần cũng như vậy, hóa làm hình dáng Tỳ-kheo, hình dáng Tỳ-kheo-ni, hình dáng Ưu-bà-tắc, hình dáng Ưu-bà-di, cũng hóa làm thân Tu-đà-hoàn cho đến hóa làm thân A-la-hán và sắc thân của Phật. Ma vương dùng hình tướng hữu lậu này hóa làm thân vô lậu mà hủy hoại chánh pháp của Ta. Khi ma Ba-tuần này hủy hoại chánh pháp thì sẽ nói: “Đức Bồ-tát khi xưa ở trên cõi trời Đâu-suất mất đi, hiện đến cung vua Bạch Tịnh tại thành Ca-tỳ-la này, nương vào cái nhân ái dục hòa hợp của cha mẹ mà sinh ra, nuôi lớn thân này. Nếu nói rằng, có người sinh ra

trong loài người mà được đại chúng trời, người trong các thế gian cung kính thì đó là điều không có”. Lại nữa, còn nói: “Thuở xưa đức Bồ-tát khổ hạnh, bố thí đủ thứ, nào là đầu, mắt, não, tủy, đất nước, thành quách, vợ con, nên hôm nay được thành Phật đạo. Do nhân duyên này nên được sự cung kính của hàng trời, người, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già”. Nếu có kinh luật nói lời nói này thì ông phải biết đó là lời nói của ma.

Này thiện nam! Có kinh luật nói lời như vậy: “Đức Như Lai Chánh Giác thành Phật đã lâu, nay Như Lai dùng phương tiện thị hiện thành Phật là vì muốn độ thoát các chúng sinh, Như Lai thị hiện có cha mẹ nương vào nhân ái dục hòa hợp mà sinh ra là thuận theo thế gian mà thị hiện như vậy”. Kinh luật nói như vậy thì ông phải biết, đó quả thật là lời nói của Như Lai. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì đó là Bồ-tát.

Hoặc có thuyết nói: Lúc Như Lai ra đời, đối với mười phương mỗi phương đều đi bảy bước thì không nên tin, đó là lời nói của ma. Hoặc có người lại nói: Như Lai ra đời, đối với mười phương mỗi phương đều đi bảy bước, đó là phương tiện thị hiện của Như Lai, thì đó gọi là lời mà kinh luật của Như Lai đã nói. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật tức là Bồ-tát. Hoặc có người nói rằng, Bồ-tát sinh ra rồi vua cha sai người đem đến miếu thờ trời, chư Thiên thấy rồi đều sụp xuống lễ kính, vậy nên gọi là Phật. Lại có người đặt ra vấn đề: Trời xuất hiện trước, Phật ở sau, vậy tại sao chư Thiên lễ kính đối với Phật? Kẻ đặt ra vấn đề đó thì ông phải biết đó là ma Ba-tuần.

Hoặc có kinh nói: Phật đến miếu thờ trời thì chư Thiên, Ma-hê-thủ-la, Đại Phạm Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân v.v... đều chấp tay cung kính làm lễ dưới chân Phật, kinh luật nói như vậy chính là lời nói của Phật. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì đó là Bồ-tát.

Hoặc có kinh luật nói: Bồ-tát khi làm Thái tử, vì tâm dục nên cưới vợ khắp bốn phương để tại thâm cung thọ hưởng năm dục lạc. Kinh luật nói như vậy là lời nói của ma Ba-tuần.

Hoặc có thuyết nói: Bồ-tát từ lâu đã lìa bỏ tâm dục, vợ con, quyến thuộc, cho đến bỏ sự thọ hưởng năm dục thượng diệu của trời Ba Mười Ba như nhổ bỏ nước bọt, huống gì là dục của loài người. Bồ-tát cạo bỏ râu tóc xuất gia tu đạo. Kinh luật nói như vậy chính là lời nói của Phật. Nếu có người thuận theo kinh luật của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo kinh luật của Phật thì đó là Bồ-tát.

Hoặc có thuyết nói: Đức Phật ở Tinh xá Kỳ-đà tại nước Xá-vệ, cho phép các Tỳ-kheo nhận chứa nô tỳ, người sai khiến, bò dê, voi ngựa, lừa la, gà heo, mèo chó, vàng bạc, lưu ly, chân châu, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, kha cù, bích ngọc, nổi chỗ bằng đồng sắt, mâm đồng lớn nhỏ v.v... những vật cần dùng, cày ruộng, gieo trồng, buôn bán, trao đổi, tích trữ lúa gạo v.v..., mọi việc như vậy là do Đức Phật từ bi thương xót chúng sinh nên đã cho phép gom chứa. Kinh luật nói như vậy đều chính là ma nói.

Hoặc có thuyết nói: Đức Phật ở chỗ của quỷ Na-lê-lâu tại Tinh xá Kỳ-đà nước Xá-vệ, bấy giờ Đức Như Lai nhân có Bà-la-môn tự là Cổ-đê-đức và vua Ba-tư-nặc, Ngài nói: “Này Tỳ-kheo! Chẳng nên thọ nhận cất chứa vàng bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, kha cù, bích ngọc, nô tỳ, người sai khiến, đồng nam, đồng nữ, bò dê, voi ngựa, lừa la, heo gà, mèo chó v.v... nổi chỗ bằng đồng sắt, mâm đồng lớn nhỏ, đủ loại màu sắc, giường nằm, đồ cần dùng trong cuộc sống, nào là nhà cửa, ruộng cày, cây trồng, buôn bán, trao đổi, tự tay làm ra thức ăn, tự mài dũa, tự đâm giã, chú thuật sửa trị thân, phương pháp điều phục chim ưng, ngược xem tinh tú, đoán vận thịnh suy, xem tướng nam nữ, giải mộng cát hung, là nam, là nữ, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, có sáu mươi bốn khả năng, lại có mười tám thứ chú thuật mê hoặc người, đủ thứ nghề khéo, hoặc nói vô lượng việc tục của thế gian, sắm các loại hương, hương bột, hương xoa, hương xông, đủ loại vòng hoa cài tóc, phương thuật sửa tóc, gian nguy, dua nịnh quanh co, tham lợi không chán, ưa

thích náo nhiệt, nói năng cười giỡn, ham thích thịt cá, hòa hợp độc dược, xông ướp dầu thơm, che lọng báu, đi giày da, chế tạo quạt, tủ, hòm, đủ thứ hình vẽ, gom chứa lúa gạo, đậu mì lớn nhỏ và những quả trái, gân gũi quốc vương, con vua, đại thần và các nữ nhân, lớn tiếng cả cười hoặc lại lặng thinh, ở trong các pháp sinh ra nhiều nghi hoặc, nói nhiều, nói dài ngắn, đẹp xấu, thiện hay chẳng thiện, ưa mặc áo đẹp v.v... đủ những thứ bất tịnh như vậy. Ở trước thí chủ, cúi mình khen ngợi, du hành ra vào những chỗ bất tịnh như là quán rượu, nhà dâm nữ, sòng bạc v.v... Những hạng người như vậy Ta nay chẳng cho phép ở trong hàng Tỳ-kheo, cần phải ngưng tu đạo trở về làm người sai việc của thế tục, ví như cỏ lông vược, bông kê đều diệt, không còn”. Phải biết kinh luật mà cấm chế như thế chính là lời nói của Như Lai. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì tức là Bồ-tát.

Hoặc có thuyết nói: Đức Bồ-tát muốn cúng dường thiên thần nên vào miếu thờ trời như là nơi thờ trời Phạm, trời Đại Tự Tại, trời Vi-đà, trời Ca-chiên-diên, nhưng sở dĩ vào đó là vì Bồ-tát muốn điều phục chư Thiên. Nếu nói chẳng phải vậy thì đó là điều không có. Hoặc nói rằng, Bồ-tát chẳng thể vào chỗ tà luận ngoại đạo, nhưng biết được oai nghi, văn chương, kỹ nghệ của tà luận ấy, kẻ tôi tớ tranh cãi chẳng hòa hợp, chẳng được sự cung kính của nam, nữ, quốc vương, đại thần, lại cũng chẳng biết điều chế các thảo dược, vì chẳng biết nên mới gọi là Như Lai, nhưng người biết ấy chính là hạng tà kiến. Lại nữa, Như Lai đối với kẻ oán, người thân lòng luôn bình đẳng, như đối với người dùng dao cắt và người dùng hương xoa thân mà chẳng sinh tâm tăng ích tổn giảm, chỉ bình thản nên gọi là Như Lai. Kinh luật nói như vậy thì ông phải biết đó là lời nói của ma.

Hoặc có thuyết nói: Bồ-tát thị hiện như vậy, vào miếu thờ trời, vào trong pháp ngoại đạo xuất gia tu đạo, thị hiện biết những oai nghi, lễ tiết ấy, có thể hiểu được tất cả văn chương, kỹ nghệ, thị hiện vào thư viện, chỗ kỹ xảo, có thể giỏi hòa hợp những kẻ nô bộc tranh cãi. Ở trong các đại chúng, đồng nam, đồng nữ, phi hậu của hậu

cung, muôn dân, trưởng giả, Bà-la-môn, quốc vương, đại thần và kẻ bần cùng v.v... Bồ-tát là tối tôn, tối thượng. Bồ-tát lại được sự cung kính của những người đó. Bồ-tát cũng có thể thị hiện những hạng người như vậy. Bồ-tát tuy có các kiến giải nhưng chẳng sinh tâm ái, giống như hoa sen chẳng dính trần cấu. Vì độ tất cả các chúng sinh nên Bồ-tát giỏi hành đủ thứ phương tiện như vậy để thuận theo pháp của thế gian. Kinh luật nói như vậy thì ông phải biết đó tức là lời nói của Như Lai. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì đó là Bồ-tát.

Hoặc có người nói: Đức Như Lai vì tôi mà giải nói kinh luật, nếu tội nặng, nhẹ trong pháp ác và Thâu-lan-giá thì tánh của chúng đều nặng. Còn trong luật của chúng tôi nhất định chẳng phải thế. Tôi từ lâu đã nhận thọ pháp như vậy mà các ông chẳng tin thì tôi sao phải tự bỏ luật của mình theo luật các ông? Luật của ông là lời nói của ma. Kinh luật của chúng tôi chính là Đức Phật đã chế ra. Đức Như Lai trước đã nói chín bộ pháp ấn. Chín ấn như vậy ấn chứng kinh luận của tôi mà từ đầu chẳng nghe có một chữ, một câu của kinh điển Phương Đẳng. Đức Như Lai đã nói vô lượng kinh luật mà chỗ nào có nói đến kinh Phương Đẳng đâu? Như vậy ở trong đó chưa từng nghe có tên mười bộ kinh. Như trong ấy có thì phải biết, nhất định là sự tạo tác của ông Điều-đạt. Điều-đạt là người ác, vì muốn tiêu diệt pháp thiện nên tạo ra kinh Phương Đẳng, chúng tôi chẳng tin. Như vậy kinh Phương Đẳng chính là lời nói của ma. Vì sao? Vì phá hoại tướng pháp Phật, là điều sai quấy. Lời nói như vậy trong kinh của ông có, trong kinh của tôi không. Trong kinh luật của tôi Đức Như Lai nói rằng, sau khi Ta Niết-bàn, ở đời ác sẽ có kinh luật bất chính như là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, ở đời vị lai sẽ có những Tỳ-kheo ác như vậy. Ta lại nói rằng, vượt qua chín bộ loại kinh có kinh điển Phương Đẳng. Nếu có người có thể biết rõ nghĩa của kinh ấy thì phải biết người đó biết rõ chân chính kinh luật, xa lìa lìa tất cả vật bất tịnh, thanh tịnh vi diệu giống như vầng trăng tròn đầy. Nếu có người nói rằng, Như Lai tuy vì mỗi một bộ kinh luật điển nói nghĩa vị nhiều như cát sông Hằng nhưng trong luật của tôi

không có thì phải biết là không. Như kinh ấy có thì tại sao Đức Như Lai ở trong luật của tôi không giải nói. Vậy tôi nay chẳng thể tin thọ. Ông phải biết là người ấy bị mắc tội. Người ấy lại nói rằng, kinh luật như vậy tôi phải thọ trì. Vì sao? Vì kinh sẽ vì tôi tạo tác cái nhân pháp thiện tri túc, thiếu dục, trừ phiền não, trí tuệ, Niết-bàn. Người nói như vậy thì chẳng phải là đệ tử của Phật.

Hoặc có thuyết nói: Đức Như Lai vì muốn độ chúng sinh nên nói kinh Phương Đẳng thì phải biết người này thật là đệ tử của Ta. Nếu có người chẳng thọ kinh Phương Đẳng thì phải biết người này chẳng phải là đệ tử của Ta, chẳng vì pháp Phật mà xuất gia, tức là đệ tử của tà kiến ngoại đạo. Kinh luật nói như vậy chính là lời nói của Phật, nếu chẳng như vậy tức là lời nói của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì đó là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì tức là Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có người nói rằng, Đức Như Lai chẳng được thành tựu vô lượng công đức vì là vô thường, biến dịch mà chỉ được pháp không nên tuyên nói vô ngã, chẳng thuận theo thế gian. Kinh luật như vậy gọi là lời nói của ma.

Hoặc có người nói, Như Lai Chánh Giác chẳng thể nghĩ bàn, cũng thành tựu vô lượng vô số công đức. Vậy nên Như Lai thường trụ, không có biến dịch. Kinh luật nói như vậy chính là lời nói của Phật. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì đó là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì tức là Bồ-tát.

Lại nữa, có người nói rằng, có Tỳ-kheo thật chẳng hủy phạm tội Ba-la-di mà mọi người đều cho là phạm Ba-la-di như chặt cây Đa-la, thì Tỳ-kheo này thật ra không có phạm điều gì. Vì sao? Vì Ta thường nói rằng, bốn Ba-la-di nếu phạm một tội thì giống như chẻ đá, chẳng thể hợp trở lại được. Nếu có người tự nói đã đắc pháp quá nhân thì gọi là phạm Ba-la-di. Vì sao? Vì thật không có sở đắc mà trá hiện tướng đắc. Người như vậy là thoát mất pháp của loài người. Đó gọi là Ba-la-di. Chẳng hạn như, hoặc có vị Tỳ-kheo thiếu dục, tri túc, trì giới thanh tịnh, trụ ở chỗ thanh vắng mà nếu vua, đại thần thấy vị Tỳ-kheo này lòng phát sinh ý nghĩ cho rằng đã được A-la-

hán, liền ở trước vị ấy khen ngợi, cung kính, lễ bái. Họ lại nói: “Như vậy đại sư bỏ thân này rồi thì sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Vị Tỳ-kheo nghe rồi liền tâu với vua: “Tôi thật chưa được đạo quả Sa-môn, nhà vua chớ nói là tôi đã được đạo quả. Nguyên xin đại vương chớ vì tôi nói pháp chẳng tri túc. Người chẳng tri túc thì thậm chí được người cho là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều mặc nhiên mà thọ nhận. Tôi nay nếu mặc nhiên nhận lấy thì sẽ bị chư Phật quả trách. Hạnh tri túc chư Phật đều khen ngợi. Vậy nên tôi muốn trọn đời vui sướng phụng tu tri túc. Lại nữa, tri túc thì tôi nhất định tự biết mình chưa được đạo quả. Nhà vua cho là tôi được, tôi nay chẳng nhận lấy nên gọi là tri túc”. Vị vua đáp: “Đại sư quả thật đã được quả A-la-hán như Đức Phật không khác”. Bấy giờ, vị vua ấy tuyên cáo khắp trong ngoài dân chúng và hậu phi trong cung khiến cho họ đều biết vị Tỳ-kheo được quả diệu môn. Vậy nên khiến cho tất cả người nghe lòng sinh tin kính, cúng dường tôn trọng. Như vậy vị Tỳ-kheo này chân thật là người tinh tu phạm hạnh. Do nhân duyên này khiến cho khắp mọi người được phước đức lớn mà vị Tỳ-kheo này chẳng hủy phạm tội Ba-la-di. Vì sao? Vì người ta tự sinh lòng hoan hỷ trước rồi khen ngợi cúng dường. Tỳ-kheo như vậy sẽ có tội gì? Nếu có thuyết nói rằng, người đó đắc tội thì phải biết lời này là lời nói của ma.

Lại có vị Tỳ-kheo nói kinh điển sâu xa bí mật của Phật là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Do tánh ấy nên đoạn được vô lượng ức những phiền não kết, liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trừ Nhất-xiển-đề. Nếu vua, đại thần hỏi như vậy: “Này Tỳ-kheo! Ông sẽ thành Phật hay chẳng thành Phật? Ông có Phật tánh không?”. Vị Tỳ-kheo đáp: “Ta nay trong thân nhất định có Phật tánh! Còn thành hay chẳng thành thì chưa có thể phán xét được”. Nhà vua nói: “Thưa Đại đức! Như người chẳng là Nhất-xiển-đề thì ắt thành, không nghi hoặc”. Vị Tỳ-kheo nói: “Người ấy quả thật như nhà người nói. Người này tuy nói nhất định có Phật tánh mà cũng lại chẳng phạm tội Ba-la-di”. Lại có vị Tỳ-kheo khi vừa xuất gia đã suy nghĩ: “Ta nay nhất định thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Người như vậy tuy chưa được thành đạo quả vô thượng nhưng đã làm

được phước vô lượng vô biên chẳng thể xưng kể. Giả sử có người nói rằng, người này mà phạm Ba-la-di, thì tất cả Tỳ-kheo không ai chẳng phạm. Vì sao? Vì như Ta ở tám mươi ức kiếp xưa thường xa lìa tất cả vật bất tịnh, thiếu dục, tri túc, thành tựu oai nghi, giỏi tu pháp tạng vô thượng của Như Lai, cũng tự nhất định biết bản thân có Phật tánh. Vậy nên Ta nay thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được gọi là Phật, có đại từ bi. Kinh luật như vậy là lời nói của Phật. Nếu có người chẳng thể thuận theo lời đó thì tức là quyến thuộc của ma. Nếu có người có thể thuận theo thì chính là Đại Bồ-tát.

Lại có thuyết nói rằng, không có bốn Ba-la-di, mười ba Tăng tàn, hai pháp Bất định, ba mươi Xả đọa, chín mươi một pháp Đọa, bốn pháp Sát hối, các pháp Chúng học, bảy Diệt tránh, không có tội Thâu-lan-giá, tội ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề v.v... vì nếu có thì Tỳ-kheo phạm những điều như vậy mà đọa vào địa ngục, thì người ngoại đạo đều nên sinh lên trời. Vì sao? Vì những kẻ ngoại đạo không có giới để phạm. Đây là Đức Như Lai thị hiện khủng bố con người nên nói ra giới ấy thôi. Hoặc nói rằng, Đức Phật dạy: “Các Tỳ-kheo của Ta, nếu muốn hành dâm thì nên bỏ pháp phục, mặc quần áo thế tục, rồi sau đó mới hành dâm. Lại nên sinh ý niệm là nhân duyên dâm dục chẳng phải tội lỗi của ta”. Đức Như Lai tại thế cũng có Tỳ-kheo quen làm dâm dục vẫn được chánh giải thoát, hoặc sau khi mạng chung sinh lên cõi trời. Xưa nay có người làm những việc đó chứ chẳng phải riêng một mình ta làm, hoặc phạm bốn trọng cấm, hoặc phạm năm giới, hoặc làm tất cả luật nghi bất tịnh mà vẫn được đầy đủ giải thoát chân chính. Đức Như Lai tuy nói phạm Đột-kiết-la thì đọa tại địa ngục tám trăm vạn năm tính theo năm tháng của trời Đao-lợi. Đó cũng là Đức Như Lai thị hiện khủng bố con người thôi. Nói rằng, từ Ba-la-di đến Đột-kiết-la nặng nhẹ không sai khác chỉ là các luật sư đối đặt ra lời nói này. Nói rằng, đó chính là Phật chế ra thì nhất định phải biết rằng, chẳng phải là lời nói của Phật. Lời nói như vậy chính là kinh luật của ma. Hoặc lại có thuyết nói rằng, ở trong các giới, nếu phạm giới nhỏ, thậm chí rất nhỏ thì phải chịu khổ báo không có giới hạn. Biết như vậy rồi, phòng hộ



thân mình như con rùa giấu sáu chi thể. Hoặc có vị luật sư lại nói rằng, phạm đã phạm giới đều không có tội báo. Người như vậy chẳng nên thân cận, như Đức Phật đã nói:

*Nếu nói sai một pháp  
Đó gọi là vọng ngữ  
Chẳng thấy ở đời sau  
Không ác nào chẳng tạo.*

Vậy chẳng nên gần gũi người này. Trong pháp Phật của Ta thanh tịnh như vậy, sao có người phạm tội Thâu-lan-giá, hoặc phạm Tăng tàn và Ba-la-di mà chẳng phải tội. Vậy nên cần phải tự phòng hộ những pháp như vậy một cách nghiêm ngặt, nếu chẳng thủ hộ thì lại lấy pháp gì gọi là giới cấm. Ta ở trong kinh cũng nói có phạm bốn Ba-la-di cho đến tội Đột-kiết-la vi tế v.v.... cần phải khổ tri. Chúng sinh nếu chẳng hộ trì giới cấm thì làm sao được thấy Phật tánh. Tất cả chúng sinh tuy có Phật tánh nhưng cần phải nhân trì giới, rồi sau đó mới thấy được. Nhân thấy được Phật tánh mới thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong chín bộ loại kinh điển không có kinh Phương Đẳng, nên chẳng nói có Phật tánh. Kinh tuy chẳng nói nhưng phải biết thật sự là có. Nếu nói được lời nói này thì phải biết người đó chân thật là đệ tử của Ta.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trên đã nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà trong chín bộ loại kinh điển đã chưa từng nghe nói, như nói là có thì sao chẳng phạm Ba-la-di?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đúng như lời ông nói! Quả thật chẳng phạm tội Ba-la-di. Này thiện nam! Ví như có người nói rằng, biển cả chỉ có bảy báu, không có tám thứ thì người nói đó không có tội. Nếu có thuyết nói rằng, trong chín bộ loại kinh điển không có nói Phật tánh thì cũng lại không có tội. Vì sao? Vì ở trong biển đại trí Đại thừa, Ta nói có Phật tánh. Người của Nhị thừa đã chẳng thấy biết được Phật tánh nên nói không thì không có tội. Cảnh giới như vậy là sự hiểu biết của chư Phật, chẳng phải là sự biết được của Thanh văn, Duyên

giác. Này thiện nam! Nếu người chẳng nghe tạng bí mật thâm diệu của Như Lai thì làm sao biết có Phật tánh. Cái gì gọi là tạng bí mật? Đó là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Này thiện nam! Có các ngoại đạo, hoặc nói ngã thường còn, hoặc nói ngã đoạn mất. Như Lai chẳng vậy, cũng nói có ngã, cũng nói không có ngã. Đó gọi là trung đạo. Nếu có người nói, Đức Phật nói trung đạo, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng bị phiền não che phủ nên chẳng biết, chẳng thấy. Vậy cần phải siêng tu phương tiện đoạn hoại phiền não, thì người có thể nói lời như vậy phải biết người đó chẳng phạm bốn trọng cấm. Nếu có người chẳng nói lời như vậy thì đó gọi là phạm Ba-la-di. Hoặc có người nói rằng, ta đã thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì ta có Phật tánh, mà có Phật tánh thì nhất định sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì nhân duyên đó nên ta nay đã được thành tựu Bồ-đề. Ông phải biết người đó gọi là phạm tội Ba-la-di. Vì sao? Vì tuy có Phật tánh nhưng vì chưa tu tập các phương tiện tốt nên chưa thấy, do chưa thấy nên chẳng thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Do ý nghĩa này nên pháp Phật thâm diệu chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Có vị vua hỏi rằng, sao gọi là Tỳ-kheo rơi vào pháp quá nhân?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Hoặc có Tỳ-kheo vì lợi dưỡng, vì ăn uống mà làm những việc đua nịnh, gian ngụy, dối trá để làm sao khiến cho những người thế gian nhất định phải biết mình là chân khát sĩ. Do nhân duyên đó khiến cho mình được nhiều lợi dưỡng, danh dự. Vị Tỳ-kheo nhiều ngu si như vậy nên luôn luôn nghĩ: Mình thật chưa được bốn quả Samôn, phải làm sao khiến cho những người thế gian cho là mình đã được. Lại phải làm sao khiến cho những Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di v.v... đều cùng chỉ mình mà nói như vậy: “Người phước đức này quả thật là Thánh nhân”. Vị Tỳ-kheo này suy nghĩ như vậy mà chuyên vì cầu lợi, chẳng phải vì cầu pháp. Ông ấy đi, lại, vào, ra, tiến, dừng an tường, nắm giữ y bát chẳng mất oai nghi, ngồi riêng một mình ở chỗ

thanh vắng như là bậc A-la-hán, khiến cho người thế gian đều nói lên rằng: “Tỳ-kheo như vậy là tốt lành đệ nhất, tinh cần khổ hạnh, tu pháp tịch diệt”. Vị Tỳ-kheo ấy nghĩ: Do nhân duyên này ta sẽ được nhiều môn đồ, đệ tử, mọi người cũng sẽ hết mực cúng dường quần áo, thức ăn, thức uống, đồ nằm, thuốc thang khiến cho nhiều nữ nhân kính trọng, ái niệm. Nếu có Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni làm những việc như vậy thì rơi vào pháp quá nhân. Lại có Tỳ-kheo vì muốn kiến lập chánh pháp vô thượng, trụ ở chỗ thanh vắng, chẳng phải A-la-hán mà muốn khiến cho mọi người gọi là A-la-hán, là Tỳ-kheo tốt, là Tỳ-kheo thiện, là Tỳ-kheo tịch tĩnh, khiến cho vô lượng người sinh lòng tin. Do nhân duyên này vị Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng ta được vô lượng các Tỳ-kheo nhận làm quyến thuộc. Nhân đó được dạy bảo Tỳ-kheo phá giới và Ưu-bà-tắc đều khiến cho họ trì giới. Do nhân duyên ấy kiến lập chánh pháp làm sáng tỏ đại nghĩa vô thượng của Như Lai, mở bày pháp hóa Đại Thừa Phương Đẳng, độ thoát tất cả vô lượng chúng sinh, khéo giải nghĩa khinh trọng của kinh luật mà Như Lai đã dạy. Lại nghĩ rằng, ta nay cũng có Phật tánh, có kinh gọi là Như Lai Bí Tạng. Ở trong kinh đó ta sẽ nhất định thành tựu được Phật đạo, có thể hết vô lượng ức phiến não kết, rộng vì vô lượng những Ưu-bà-tắc nói rằng: Các ông đều có Phật tánh hết. Ta cùng với các ông đều sẽ an trụ ở đất đạo của Như Lai, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, diệt hết vô lượng ức những phiến não kết. Người nói lời nói như thế là người chẳng gọi là rơi vào pháp quá nhân mà gọi là Bồ-tát. Hoặc nói rằng, có người phạm Đột-kiết-la thì đọa vào trong địa ngục tám trăm vạn năm tính theo năm tháng ngày trên trời Đao-lợi, chịu các tội báo, huống gì là phạm tội Thâu-lan-giá? Trong Đại thừa này, nếu có Tỳ-kheo phạm tội Thâu-lan-giá thì chẳng nên thân cận. Những gì gọi là tội Thâu-lan-giá trong kinh Đại Thừa? Giả sử có ông trưởng giả tạo lập Phật tự, đem những vòng hoa cúng dường Phật, có vị Tỳ-kheo thấy sợi tơ trong râu hoa, chẳng hỏi liền lấy thì gọi là Thâu-lan-giá, hoặc biết hay chẳng biết cũng phạm như vậy. Nếu do lòng tham mà phá hoại tháp thờ Phật thì phạm Thâu-lan-giá. Người như vậy chẳng nên thân cận. Hoặc vua, đại thần thấy tháp mục nát, vì muốn tu bổ cúng dường xá lợi mà ở trong

tháp này hoặc được đồ châu báu liền đem gởi cho vị Tỳ-kheo. Vị Tỳ-kheo được gởi rồi liền tự ý mà dùng. Tỳ-kheo như vậy gọi là bất tịnh, dấy khởi nhiều tranh cãi, hàng Ưu-bà-tắc tốt chẳng nên gần gũi cúng dường cung kính. Tỳ-kheo như vậy gọi là không căn, gọi là hai căn, gọi là bất định căn. Người bất định căn là khi ham muốn làm thân nữ thì liền làm thân nữ, khi tham muốn làm thân nam thì liền làm thân nam. Tỳ-kheo như vậy gọi là căn ác, chẳng gọi là nam, chẳng gọi là nữ, chẳng gọi là xuất gia, chẳng gọi là tại gia. Tỳ-kheo như vậy chẳng nên thân cận cúng dường cung kính. Pháp Sa-môn ở trong pháp Phật thì nên sinh lòng bi che chở nuôi dưỡng chúng sinh, thậm chí con kiến cũng ban bố cho sự vô úy, đó là pháp Sa-môn. Xa lìa uống rượu cho đến ngửi mùi thơm, đó là pháp Sa-môn. Chẳng được nói dối, thậm chí cả trong giấc mơ chẳng nghĩ đến nói dối, đó là pháp Sa-môn. Chẳng sinh ra lòng dục, thậm chí cả trong mơ cũng như vậy, đó là pháp Sa-môn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có vị Tỳ-kheo nằm mơ thấy hành dâm dục thì đó có phạm giới không?

Đức Phật dạy:

–Chẳng phạm! Nên đối với dâm dục phát sinh tưởng xú uế, cho đến chẳng phát sinh một ý tưởng tịnh, xa lìa tưởng ái phiền não về nữ nhân. Nếu trong mơ thấy mình hành dâm thì khi thức dậy nên sinh hối hận. Khi Tỳ-kheo xin ăn, nhận đồ cúng dường thì nên tưởng như là gặp thời đói phải ăn thịt con. Nếu phát sinh ý dâm dục thì nên mau lìa bỏ. Pháp môn như vậy thì phải biết chính là kinh luật của Phật đã nói. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời Phật dạy thì đó gọi là Bồ-tát. Nếu có người nói rằng, Phật cho phép Tỳ-kheo luôn kiếng một chân, lạng yên chẳng nói, gieo xuống vực, lao vào lửa, tự rơi từ núi cao, chẳng tránh hiểm nạn, uống độc, nhịn ăn, nằm trên đất tro, tự trói chân tay, giết hại chúng sinh theo phương thức chú thuật; con của Chiên-đà-la, không căn, hai căn và bất định căn, thân căn chẳng đủ, những hạng như vậy Như Lai đều cho phép xuất gia tu đạo thì đó

gọi là ma nói. Phật trước đã cho phép ăn năm vị sữa của bò và cả dầu, mật, mặc áo kiêu xa da, mang giày da v.v... Ngoài ra, còn có thuyết nói rằng, Phật cho phép mặc áo Ma-ha-lăng-già, tất cả hạt giống đều cho phép tích trữ, những thứ thuộc cỏ cây đều có thọ mạng. Phật nói thế rồi liền vào Niết-bàn. Nếu có kinh luật nói những lời nói đó thì phải biết chính là lời nói của ma. Ta cũng chẳng cho phép luôn kiễng lên một chân, hoặc vì pháp mà cho phép đi, đứng, nằm, ngồi. Ta lại cũng chẳng cho phép uống độc, nhịn ăn, dùng năm thứ lửa nóng đốt thân, trói buộc chân tay, giết hại chúng sinh, học phương thức chú thuật; kha cụ, ngà voi dùng làm giày da, tích trữ hạt giống, cỏ cây có mạng sống, mặc Ma-ha-lăng-già. Nếu nói rằng, Thế Tôn nói lời như vậy thì phải biết đó là lời nói của quyến thuộc ngoại đạo, chẳng phải là đệ tử của Ta. Ta chỉ cho phép ăn năm thứ vị của sữa bò và dầu, mật v.v..., cho phép mang giày da, mặc áo Kiêu-xà-da. Ta nói bốn đại không có thọ mạng. Nếu có kinh luật nói những việc đó thì đó gọi là Phật nói. Nếu có người thuận theo lời dạy thì phải biết đó là đệ tử chân chính của Ta. Nếu có người chẳng thuận theo lời dạy của Phật thì đó là quyến thuộc của ma. Nếu có người tùy thuận kinh luật của Phật thì phải biết người đó là Đại Bồ-tát. Nay thiện nam! Tướng sai khác của lời ma, lời Phật, hôm nay Ta đã vì người rộng rãi tuyên nói, phân biệt rồi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay con mới biết được tướng sai khác của lời ma, lời Phật. Nhân đó con được vào nghĩa sâu của pháp Phật.

Đức Phật khen Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ông có thể phân biệt hiểu rõ như vậy thì đó gọi là thông tuệ.

\*

\*\*